

Số/No: **556**.../2026/TB-VFCVND-TGD

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2026

Hanoi, 06 October 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

- Kính gửi/ To :
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
 - Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ Viet Nam Securities Depository And Clearing Corporation
 - Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants and Investors
- Tên CTQLQ/ Fund Management Company: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành/ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch
- Tên Quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF VFCVN DIAMOND/ VFCVN DIAMOND ETF
- Mã chứng khoán/ Securities code: **FUETPVND**
- Địa chỉ/ Address : Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, P. Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội/ 11F, Doji Tower, No. 5 Le Duan, Van Mieu-Quoc Tu Giam Ward, Ha Noi
- Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **05/10/2026**
- Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF tương đương 100,000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates
- Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT/Order	Mã chứng khoán/Securities Code	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/Amount	Tỷ lệ % trong danh mục/ Weight (%)
I. Chứng khoán/Stock		951,340,000	97.69%
1	ACB	3,700	8.02%
2	BMP	100	1.45%
3	CTD	200	1.19%
4	CTG	700	2.14%
5	FPT	2,400	15.30%
6	GMD	1,100	8.77%
7	HDB	2,300	6.72%
8	KDH	300	0.47%
9	MBB	3,800	7.45%
10	MSB	2,000	2.89%
11	MWG	1,900	14.28%
12	NLG	1,100	2.47%
13	OCB	500	0.52%
14	PNJ	1,700	4.02%
15	REE	800	3.89%
16	TCB	2,900	9.60%
17	TPB	1,000	1.22%
18	VPB	3,100	7.29%
II. Tiền/Cash		22,474,615	2.31%
III. Tổng/Total (=I+II)		973,814,615	100%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 951,340,000 VND
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 973,814,615 VND
- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: 22,474,615 VND

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With subscription order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ With redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee
- + Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có)/ In case stock can be replaced by cash:

Mã chứng khoán/Securities Code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/ Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied investors	Lý do/ State the Reason
FPT	68,310	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company	Hạn chế đầu tư cổ phiếu của người liên quan /Restrictions on investment in related person shares
TPB	13,090	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company, Tien Phong Securities Joint Stock Company	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ, Nhà Đầu Tư hạn chế đầu tư /Restrictions on investment in parent company shares, Investor is restricted from investing.

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ State if component securities shall have corporate action (if any):
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other information (if any):

Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period 05/10/2026(*)	Kỳ trước/ Last period 02/10/2026(*)	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued			-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đã đăng ký niêm yết/ Issued Shares	5,600,000	5,600,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	9,740	10,020	- 280
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	54,533,618,479	55,107,100,823	-573,482,344
của một lô ETF/per Creation Unit	973,814,615	984,055,371	-10,240,756
của một chứng chỉ quỹ/per Share	9,738.14	9,840.55	-102.41
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	2,179.59	2,184.01	-4.42

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 04/10/2026/Item 5 is net asset value calculated as at October 04, 2026

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 01/10/2026/Item 5 is net asset value calculated as at October 01, 2026

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ
QUỸ
VIỆT CÁT**

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ VIỆT CÁT
DN: C=VN, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
VIỆT CÁT, L=Quản Hai
Bà Trưng, ST=HÀ NỘI,
UID=MST:0102636355
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2026.10.06
14:09:18+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 2026.1.2

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised representative of Fund Management Company



GIÁM ĐỐC PHÁP CHẾ
Nguyễn Thị Lê Quyên